PHÂN CÔNG Nh 09-10, thực hiện từ 28/09/2009 (Do thay đổi HP2 môn anh)																							
TT	Ms	Họ Và Tên		Phân công giảng dạy						CN		Tự chọn		hp2		K.nh	c.bài	TCck	Ghi chú	thực dạ	TC
1	1	Nguyễn Thị	Tuyết	HT																	
2	999		Thông	Bảo vệ																	
3	6	Thái Thị	Hương	Phụ vụ																	
4	7	Đoàn Văn	Viễn	Giám Thị																	
5	8	Nguyễn Thị Phương	Lan	Thiết bị																	
2	9	Mai Thùy	Hương	Thư viện																	
3	10	Nguyễn T Thanh	Phương	Thư viện																	
4	11	Hạ Thị Thanh	Trúc	Kế toán																	
5	12	Trần Thị Vẹn	Toàn	Thủ quỹ																	
6	13	Hồ Hải	Lượng	Bảo vệ																	
7	14	Võ Viết	Trí	P.HT				T10(2)	4			T10(2)	1	T10(2)	2			5		5	7
8	15	Nguyễn Thanh	Bình			T11(1,4,5)	12					T11(1,4,5)	3	T11(1,4,5)	6		1	16		15	22
9	16	Đoàn Thị Ngọc	Hiếu					T10(3,6,7)	12			T10(3,6,7)	3	T10(3,6,7)	6		1	16		15	22
10	17	Nguyễn Văn	Lực	T12(5)	4	T11(6,7)	8					T11(6,7);12(5)	3	T11(6,7);12(5)	6		1	16		15	22
11	18	Đặng Thị Thu	Nga					T10(10,11,12)	12			T10(10,11,12)	3	T10(10,11,12)	6		1	16		15	22
12	19	Huỳnh Đắc	Nguyên			T11(2,3)	8	T10(1)	4			T10(1);11(2,3)	3	T10(1);11(2,3)	6		1	16		15	22
13	20	Nguyễn T Hồng	Nhung	T12(1,9,10)	12							T12(1,9,10)	3	T12(1,9,10)	6		1	16		15	22
14	21	Nguyễn Thị Kiều	Oanh					T10(4,5)	8	10a5	4	T10(4,5)	2	T10(4,5)	4			14		10	18
15	22	Trần Thanh	Phú	T12(11,12,13)	12							T12(11,12,13)	3	T12(11,12,13)	6		1	16		15	22
16	23	Đặng Thành	Son			T11(11,12,13)	12					T11(11,12,13)	3	T11(11,12,13)	6		1	16		15	22
17	24	Lê Hữu	Tâm			T11(8,9,10)	12					T11(8,9,10)	3	T11(8,9,10)	6		1	16		15	22
18	25	Trần Văn	Thành	T12(6,7,8)	12							T12(6,7,8)	3	T12(6,7,8)	6	3	1	19	tt	15	25
19	26	Lưu Thị	Thủy	T12(2,3,4)	12							T12(2,3,4)	3	T12(2,3,4)	6		1	16		15	22
20	27	Nguyễn Thị Thủy	Tiên					T10(8,9)	8	10a8	4	T10(8,9)	2	T10(8,9)	4			14		10	18
					52		**52**		**48**				**37**		**74**			189			
21	30	Nguyễn Văn	Đạt			L11(1,2,3,4,5)	10			11a1	4	L11(5)	1	L11(1,2,3,4,5)	5		2	17		11	22
22	29	Nguyễn Thị Hữu	Duyên	L2(1,2,7,8)	10					12a7	4	L12(7,8)	2	L12(1,2,7,8)	4		1	17		12	21
23	95	Lương Huỳnh	Châu	cn12(1,4	2			L10(1,2,3,4)	8			L10(1,2,3,4)	4	L10(1,2,3,4)	4		3	17	cmon	14	21
24	96	Nguyễn Ngọc	Hiền	Cn12(7,8,9,13)	4			L10(10,11,12)	6			L10(10,11,12)	3	L10(10,11,12)	3		4	17	cmon	13	20
25	32	Trần Thị Thúy	Hoa	L12(9,10,11,12,13	10					12a11	4	L12(9,10,11,12,13	5	L12(9,10,11,12,13)	5		2	21		15	26
26	33	Trương Văn	Khanh	Cn11(3,5,6)	3	L11(6,7,8,9)	8					L11(6,7,8,9)	4	L11(6,7,8,9)	4		3.5	18.5		15	22.5
27	34	Nguyễn Thị Bích	Liên					L10(5,6,7,8,9)	10	10a9	4	L10(5,6,7,8,9)	5	L10(5,6,7,8,9)	5		2	21		15	26
28	102	Nguyễn Thị	Lụa	Cn11(7,12,13)	3	L11(10,11,12,13)	8					L11(10,11,12,13)	4	L11(10,11,12,13)	4		3.5	18.5	cmon	15	22.5

PHÂN CÔNG Nh 09-10, thực hiện từ 28/09/2009 (Do thay đổi HP2 môn anh)																					
TT	Ms	Họ Và Tên		Phân công giảng dạy						CN		Tự chọn		hp2		K.nh	c.bài	TCck	Ghi chú	thực dạ	TC
29	36	Nguyễn Văn	Phương	L12(3,4,5,6)	10							L12(5,6)	2	L12(3,4,5,6)	4	3	1	16	tt	12	20
30	107	Võ Văn	Cường	Cn12(2,3,5,6,10,11,1	7	Cn11(1,2,4,8,9,10,11)	7									2	2	18	ts	14	18
31	37	Đỗ Thu	Thảo	ti12(8,11,13)	6			ti10(3,4,5,8)	8								2	16		14	16
32	38	Phạm Thị	Nhị			ti11(3,4,10,11)	4	ti10(1,2,9,10,11,12)	12									16		16	16
33	39	Nguyễn Trung	Hiếu			ti11(2,6)	2									15		17	BTĐ	2	17
34	87	Nguyễn Thị	Hồng	ti12(1-4,5,6,9,12)	14												2	16		14	16
	106	Nguyễn Thị Lan	Ngọc	ti12(4,7,10)	6	Ti11(1,5,7,8,9,12,13)	7									2	2	17	ts		
35	3	Lê Thị	Nhân	H12(2,3)	6									H12(2,3)	2			6		6	8
36	40	Lê Minh	Chánh			H11(7,8,9,10)	8			11a8	4	H11(7,8,9,10)	4	H11(7,8,9,10)	4		1	17		12	21
37	41																				
38	42	Võ Thị Thùy	Linh	H12(5,6,7,8)	8	H11(1,2)	4					H12(5,6,7,8)	4	H12(5,6,7,8);11(1,2)	8		2	18		16	26
39	43	Nguyễn Thị Minh	Tâm	H12(9,10,11,12,1	10					12a12	4	H12(9,10,11,12,13	5	H12(9,10,11,12,13)	5		2	21		15	26
40	98	Võ Thái	An					H10(4,5,6,7)	10	10a4	4	H10(6,7)	2	H10(4,5,6,7)	4		1	17		12	21
41	44	Vương Thanh	Thảo			H11(3,4,5,6)	8			11a4	4	H11(5,6)	2	H11(3,4,5,6)	6		1	15		10	21
42	45	Trần T Thanh	Trang	H12(1,4)	6			H10(1,2,3)	9					H12(1,4);H10(1,2,3)	5		2	17		15	22
43	97	Nguyễn Ngọc	Lợi			H11(12,13)	4	H10(11,12)	4	10a11	4	0(11,12);H11(12,1	4	H10(11,12);H11(12,13	4		1	17		12	21
44	99	Đoàn Kim	Tuyến			H11(11)	2	H10(8,9,10)	6	11a11	4	11(11);H10(8,9,1(	4	H11(11);H10(8,9,10)	4		1	17		12	21
45	92	Cao T Kim	Anh																Hsan		
	108							cn10	12							2	2	16	ts		
46	46	Nguyễn Thị Xuân	Dung	Si12(1,2,3,4)	8	Si11(1,2,3,4)	8									3		19	tt	16	19
49	48	Phạm Thụy Anh	Thư	Si12(5->13)	18													18		18	18
49	100	Trần Vũ Mai	Trang			Si11(5->13)	9	Si10(1->12)	12									21			21
50	49	Nguyễn Điệp	Vân													3		3	t.tra		3
51	51	Nguyễn Thị	Diên			v11(2,3,4,5)	16			11a2	4			v11(2,3,4,5)	4		1.5	21.5		16	25.5
52	52	Trần Thị	Duyên	v12(3,4,5,6)	12					12a5	4			v12(3,4,5,6)	4		1.5	17.5		12	21.5
53	53	Nguyễn Trung	Kiên	v12(7,8,9,10)	12					12a9	4			v12(7,8,9,10)	4		1.5	17.5		12	21.5
54	55	Bùi Thị	Minh					v10(5,6,7,8)	12	10a6	4			v10(5,6,7,8)	4		1.5	17.5		12	21.5
55	54	Trần Kim	Ngọc																		
56	56	Trần Thị	Nhung	V12(1,2)	6	V11(6,7)	8			12a2	4			V12(1,2);11(6,7)	4		1.5	19.5		14	23.5
57	57	Mai Thị	Nở	v12(11,12,13)	9	v11(1)	4							v12(11,12,13);11(1)	4	3	1.5	17.5	tt	13	21.5
58	58	Bồ Thị	Sương					v10(9,10,11,12)	12	10a10	4			v10(9,10,11,12)	4		1.5	17.5		12	21.5
	103		My					v10(1,2,3,4)	12	10a3	4			v10(1,2,3,4)	4		1.5	17.5		12	21.5

PHÂN CÔNG Nh 09-10, thực hiện từ 28/09/2009 (Do thay đổi HP2 môn anh)																						
TT	Ms	Họ Và Tên		Phân công giảng dạy						CN		Tự chọn		hp2		K.nh	c.bài	TCck	Ghi chú	thực dạ	TC	
	104		Hà			v11(10,11,12,13)	16			11a13	4			v11(10,11,12,13)	4		1.5	21.5		16	25.5	
59	59	Vũ Văn	Trí			v11(8,9)	8							v11(8,9)	2	4		12	ctcđ	8	14	
					39		**52**		**36**													
60	60	Trần Xuân	Năm																			
61	61	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	s12(7->13)	14					12a13	4						2	20		14	20	
62	62	Nguyễn Thị	Hiền					s10(1->7)	7	10a2	4						2	13		7	13	
63	64	Lâm Thị Hoàng	Mai	s1291->6)	12					12a4	4					3	2	21	tt	12	21	
64	65	Nguyễn Thị Phương	Liên			s11(1->10)	10			11a5	4						2	16		10	16	
	105		Trinh			s11(11,12,13)	3	s10(8->12)	5	10a12	4						2	14		8	14	
					26		**13**		**12**													
65	66	Nguyễn Thị Minh	Thoa	Đ12(11,12,13)	3	Đ11(1->7)	7									2	2	14	tký	10	14	
66	67	Nguyễn Thị Bích	Tuyết			Đ11(8->11)	4	Đ10(1,2,3,4)	8	11a10	4						2	18		12	18	
67	90	Lục Thanh	Hằng	Đ12(1->10)	10	Đ11(12,13)	2			11a12	4						2	18		12	18	
68	88	Lê Thị Bích	Loan					Đ10(5->12)	16								2	18		16	18	
					13		**13**		**24**													
69	94	Trần Thị	Dư	G12	13					12a1	4						2	19		13	19	
70	70	Từ Thị Ngọc	Thảo					G10	12	10a1	4						2	18		12	18	
71	89	Nguyễn Thị Thanh	Minh			G11	13			11a6	4						2	19		13	19	
72	71	Lương	Châu	A12(5,6,7)	9	A11(1)	3			12a6	4			A12(5,6,7);A11(1)	7		1	17		12	24	
73	72	Lê Vương	Chinh	A12(8,9)	6	A11(5,6)	6			12a8	4			A12(8,9);11(5,6)	6		2	18		12	24	
74	73	Huỳnh Công	Khoa	A12(12,13)	6	A11(7,8)	6			11a7	4			A12(12,13);11(7,8)	6		1	17		12	23	
75	74	Nguyễn Thị Phương	Nguyên			A11(2,9,10,11)	12			11a9	4			A11(2,9,10,11)	4		2	18		12	22	
76	75	Đoàn Thị	Quý					A10(7,8,9,10)	12	10a7	4			A10(7,8,9,10)	4			16	Hsan	12	20	
77	76	Lê Ngọc	Quý	A12(1,2,10,11)	12					12a10	4			A12(1,2,10,11)	8		1	17		12	25	
78	77	Hh. Thị Phương	Thảo			A11(3,4,12,13)	12			11a3	4			A11(3,4,12,13)	4		1	17		12	21	
79	78	Thái Thu	Thử					A10(3,4,5,6)	12					A10(3,4,5,6)	4	3	1	16	tt	12	20	
80	79	Phạm Cao	Trí	a12(3,4)	6			A10(11,12)	6	12a3	4			A12(3,4);10(11,12)	6		1	17		12	23	
81	4	Lê Vương	Ly					A10(1,2)	6					A10(1,2)	2					6	2	
					39		**39**		**36**													
82	80	Bùi Hữu	Danh			td11(1,3,5,6,7,8,9)	14											14		14	14	
83	81	Nguyễn Huy	Hoàng	td12(1,2,3,4,12,13	12											3		15	tt	12	15	
84	82	Trần Thế	Khen					td10(7->12)	12									12		12	12	

PHÂN CÔNG Nh 09-10, thực hiện từ 28/09/2009 (Do thay đổi HP2 môn anh)																					
TT	Ms	Họ Và Tên		Phân công giảng dạy						CN		Tự chọn		hp2		K.nh	c.bài	TCck	Ghi chú	thực dạ	TC
85	83	Nguyễn Tuyết	Mai			td11(2,4,10,11,12,13)	12											12		12	12
86	84	Nguyễn Thị Hồng	Sương	12(5,6,7,8,910,11	14													14		14	14
87	85	Nguyễn Thị Bích	Thuận					10(1->6)	12									12		12	12
					26		**26**		**24**												
88	86	Đỗ Quốc	Việt	Q12(8->13)	6			Q10	12								2	20		18	20
89	91	Nguyễn Thị	Thu	Q12(1->7)	7	Q11	13										2	22		20	22
		Lê thị thu	Hà																		
90		Phạm Thị Thu	Mai																		
										38	152		37								